

SO SÁNH VỊ TRÍ CỦA CÁC BỔ NGỮ TÌNH HUỐNG TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG PHÁP

PGS. TS. Phan Thị Tình
Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Pháp

Chúng tôi cho rằng trong hai ngôn ngữ pháp và Việt vị trí của các bổ ngữ tình huống không phải tùy tiện mà phụ thuộc vào sự có mặt của các yếu tố xung quanh nó, vào sự liên kết ý, vào ý định giao tiếp của người phát ngôn và do các qui tắc cú pháp trong câu, trong văn bản chi phối. Chính vì vậy thường nêu ta thay đổi vị trí của chúng thì nghĩa của phát ngôn sẽ thay đổi. Sau đây chúng tôi sẽ thử so sánh đối chiếu các vị trí của các bổ ngữ tình huống trong tiếng Pháp và tiếng Việt nhằm xác định *những điểm tương đồng và khác biệt*.

Hầu như các bổ ngữ tình huống trong hai ngôn ngữ đều có mặt ở các vị trí giống nhau nhất là ở vị trí đầu câu, sau đây chúng tôi sẽ xem xét chủ yếu các đặc trưng của bổ ngữ tình huống ở vị trí này.

1. Đứng đầu câu

Trong cả hai ngôn ngữ Pháp và Việt, nhiều yếu tố có thể đứng ở vị trí này như : Các nhóm danh từ, các mệnh đề, các trạng từ làm tình huống về không gian và thời gian của câu, các trạng từ dùng để hỏi về các vấn đề này...

1.1. *Bổ ngữ tình huống chỉ thời gian*

Loại này gồm có : các mệnh đề phụ thời gian được đưa vào bằng một nhóm danh từ chỉ thời gian, nhóm này có thể có định ngữ là một mệnh đề. Trong tiếng Pháp ta có cấu trúc : *un + danh từ thời gian + où / que*, hoặc *le + danh từ thời gian + que* đứng trước mệnh đề chính để xác định hoàn cảnh thời gian của câu.

1. *Un jour où il faisait beau, nous sommes allés jusqu'au phare.*

(Một ngày đẹp trời, chúng tôi đã đến tận chỗ đèn hải đăng)

Điều này cũng được thể hiện trong câu thơ sau của nhà thơ Xuân Quỳnh :

2. *Những ngày không gặp nhau biển bạc đầu thương nhớ.*

(*Les jours où ils ne se rencontrent pas, la mer est malade d'amour*)

Trong tiếng Việt mỗi quan hệ trước/sau, thường được thể hiện bằng trật tự tuyến tính của các mệnh đề hoặc các yếu tố trong câu khi không có các yếu tố cú pháp chi phối. Theo chúng tôi thì cách thể hiện này trong hai ngôn ngữ đều có nhưng tiếng Việt sử dụng cách này nhiều hơn trong các câu châm ngôn, tục ngữ.

3. *Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì bão*

Câu (3) cho thấy rằng vào tháng bảy khi đã thấy gió heo may, và chuồn chuồn bay nhiều thì có nhiều khả năng là sẽ có bão.

Ngoài ra, quan hệ lô-gic và nghĩa của cụm động từ cũng sẽ chi phối vị trí các yếu tố trong câu như trong ví dụ (4) sau đây:

4. *Maintenant, quand elle le voit, elle lui tourne le dos.*

(Bây giờ mỗi khi nhìn thấy anh ta, cô ấy lại ngoảnh mặt đi)

Trong câu (4) việc nhìn thấy người đàn ông xảy ra trước việc quay mặt đi.

Mặt khác, cách thể hiện việc hoàn thành/không hoàn thành của các sự tình trong tiếng Việt và tiếng Pháp có chút ít khác biệt.

5. *Quand je suis venu, il était parti* (*Khi* tôi đến *thì* nó *đã* đi *rồi*)

Trong câu (5) tiếng Pháp dùng quan hệ giữa các thời để chỉ việc *đến* xảy ra sau khi việc *ra đi* đã hoàn thành bằng quan hệ giữa các thời *passé composé* và *plus-que-parfait*

Trong khi đó thì tiếng Việt lại sử dụng các trợ từ cặp đôi chỉ thể : *đã... rồi* để chỉ mỗi quan hệ này.

Như vậy, ta thấy rằng trong tiếng Việt ý nghĩa thời thể không được thể hiện trên hình thái của động từ nhưng nó lại được thể hiện bằng các trạng từ đứng trước động từ

để chỉ : sự tiếp diễn, hoàn thành hay sắp xảy ra của sự tình với các từ như : *đều, cũng, cũng, vẫn, cứ, còn, mãi, đang, từng, đã, mới, sắp, sẽ...*

Tiếng Việt cũng có thể sử dụng các từ : *phải, được, thấy, ra, xong, nên, thành...* đi kèm sau động từ để chỉ kết quả của sự tình do động từ thể hiện : *tìm ra, tìm thấy, tìm được...* (*trouver, découvrir*)

6. *Khi bắt được thám báo đã giết hại ba cô gái ở trại tống gia, Kiên quyết định cho chúng nhận cái chết theo kiểu chết tận mắt, chết tận tay, chết dưới đáy huyết.*

Một sự khác biệt nữa giữa tiếng Việt và Tiếng pháp được thể hiện trong việc sắp xếp vị trí các mệnh đề trong câu phức khi có sự tham gia của các cấu trúc tương liên hoạt động dựa trên nguyên tắc hàm ẩn *nếu... thì* , yếu tố thứ nhất đưa vào mệnh đề phụ thời gian hoặc điều kiện và như vậy nó đứng đầu câu còn yếu tố thứ hai đưa vào mệnh đề chính. Nói cách khác là hai thành phần của quan hệ tương liên bao bọc mệnh đề phụ. Nếu ta thay đổi vị trí các mệnh đề, ta sẽ làm đảo ngược chức năng của chúng và đồng thời ta cũng làm thay đổi nghĩa của phát ngôn : Chẳng hạn, nếu ta chuyển một mệnh đề phụ chỉ thời từ vị trí đầu câu xuống vị trí cuối câu thì từ chức năng làm định vị thời gian, hay chỉ ra điều kiện của câu, mệnh đề này sẽ có chức năng thành tố của mệnh đề chính, nhất là khi nó không được tách khỏi mệnh đề chính bằng dấu phẩy.

Ngoài ra trong tiếng Pháp ta có : *tous (toutes) + danh từ thời gian số nhiều*, hoặc *chaque + danh từ thời gian số ít*, hoặc *le / la + danh từ thời gian* để chỉ sự lặp lại của sự tình

7. *Tous les soirs. Tous les soirs je sens vivre contre ma peau cette viande chaude et goulue* (J. P. Sartre, *Les Mouches*, p 52)
(Tôi nào cũng vậy. Tôi nào tôi cũng cảm nhận được cái chất thịt ấm nóng và phàm ăn đó trên da thịt tôi)

1.2. Bổ ngữ tình huống chỉ không gian

Trong tiếng Việt đây là những từ chỉ địa điểm tĩnh tại dùng để xác định vị trí của chủ ngữ và vị ngữ

8. *Dưới cầu nước chảy trong veo*
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha (Nguyễn Du - Kieu, Kt.169-170)
(*Sous la passerelle, chantait l'eau limpide.*
Sous la caresse des vents du soir, se balançaient les saules)
9. *Ngoài sông thỏ thẻ oanh vàng*
Nách tường bông liễu bay ngang trước màn (Nguyễn Du- Kieu, Kt.239-240)
(*Par delà la fenêtre, un loriot babillait*
Du côté du mur, un chaton de saule voletait devant le store)

Trong mỗi câu (8 & 9) trên đây dù là thể thơ ca, ta vẫn thấy vị trí của chủ ngữ và vị ngữ được xác định bằng các nhóm từ gạch chân.

Trong tiếng Pháp, có trường hợp trạng từ chỉ thời gian và nơi chốn đứng đầu câu. Nhưng vị trí này chủ yếu do động từ của câu có cấu trúc hướng nội và văn cảnh viết chỉ phối hoặc đây là những từ dùng để nối các sự tình xảy ra theo trật tự thời gian, theo quan hệ logic trong văn bản. Trong trường hợp đó ta thường gặp các trạng từ thời gian như : *Alors, bien tôt, parfois, d'abord, ensuite, puis, enfin*, và các trạng từ chỉ nơi chốn như : *ici, là, dehors, dedans, ailleurs...* :

10. *Au pied de ce tertre, dans une anse caillouteuse, miroitaient les toits rouges de la ville de Santa-Cruz... Au ciel brumeux des régions boréales, avait succédé le plus beau ciel.* (Chateaubriand, *Mémoire d'Outre-Tombe*)
(*Dưới chân mô đất này, trong một quai đá nhấp nhô, những mái ngói của thành phố Santa-Cruz đỏ lấp lánh... Nối tiếp với bầu trời đầy sương mù của vùng Bắc cực là bầu trời đẹp nhất*)

Cũng trong tiếng Pháp, ta có thể gặp hiện tượng này khi chủ ngữ của câu là một nhóm danh từ và động từ của câu là động từ hướng nội như trong câu (12).

11. *De là viennent tous les malheurs ; Telle était mon opinion.*

(Các bắt hạnh xuất phát từ đó; Đó là quan điểm của tôi.)

Ngoài ra, khi muốn nhấn mạnh vào bổ ngữ tình huống người ta cũng để bổ ngữ tình huống thời gian, nơi chốn lên đầu câu. Trong các trường hợp này trong tiếng Pháp bổ ngữ tình huống sẽ được bao bọc bằng cấu trúc : *c'est...que*

12. *Cette fois-ci, ce fut moins comme d'habitude dans le cerveau de Swann que se produit cette détente par épuisement, ce fut plutôt dans son cœur.* (Proust, un Amour de Swann)

(Lần này, sự thư giãn do kiệt sức không phải diễn ra trong đầu óc của Swann như thường lệ mà đúng hơn là trong tim của Swann)

1.3. Các trạng từ tình thái

Các trạng từ tình thái (*les adverbess de modalités*): *peut-être, sans doute, probablement* dùng để đánh giá, nhận xét, nêu quan điểm của người nói

13. *Il n'est pas venu. Sans doute, lui est-il arrivé quelque chose.*

(Nó không đến. Chắc có chuyện gì rồi.)

14. *Sans doute acceptera-t-il*

(Chắc là nó sẽ đồng ý thôi)

15. *Apparemment, était-il fatigué.*

(Hình như là nó mệt)

Đối với loại trạng từ này, trong cả hai ngôn ngữ Pháp và Việt, nếu ta đặt trạng từ lên đầu câu thì ngoài chức năng nối kết văn bản nó còn làm tiêu điểm của thông báo.

16. *Có lẽ mai mưa to* (*Peut-être, demain, pleuvra-t-il abondamment*)

18. *Mai, có lẽ mưa to* (*Demain, peut-être, pleuvra-t-il abondamment*)

1.4. Các trạng từ chỉ phản ứng tình cảm của người nói :

19. *A vrai dire, je n'étais pas d'accord* (Nói đúng ra là tôi đã không đồng ý)

20. *Franchement, je ne suis pas d'accord.* (Nói thẳng là tôi không đồng ý)

21. *Heureusement, il n'était pas trop tard.* (May thay là nó đã đến kịp)

22. *Naturellement, il a menti.* (Tất nhiên là nó đã nói dối)

23. *Certainement, Henri viendra.* (Chắc chắn là Henri sẽ đến)

24. *Toujours, elle a protesté.* (Bao giờ nó cũng phản đối)

25. *Il a certainement entendu* (Nó chắc chắn là đã nghe thấy)

Ta thấy rằng loại trạng từ này có thể đứng đầu câu, sau động từ, giữa trợ từ và quá khứ phân từ, hoặc cuối câu. Thế nhưng khi đứng đầu câu chúng có chức năng nhấn mạnh vào phản ứng của người nói. Việc nhấn mạnh thường được thể hiện bằng từ *là* hoặc *thì* trong tiếng Việt. Chúng ta hãy lại các câu 19 đến 25 để thấy rõ điều này.

1.5. Các trạng từ lập luận

Người ta xếp vào loại này các trạng từ dùng để kết luận một vấn đề : bởi vậy (*par conséquent, en conséquence*), do vậy (*c'est pourquoi*), vậy (*donc*), cho nên, vì thế : *aussi, ainsi,...* :

26. *Ainsi, l'injurait ma mère.* (Colette, Sido)

(Vì thế mà mẹ tôi chửi nó)

1.6. Các trạng từ nối kết văn bản

Các từ này đứng đầu câu để gắn ý nghĩa của câu mà nó đưa vào với sự tình hoặc các sự tình trước đó theo các quan hệ logic. (*aussi bien, du moins, à plus forte raison, de même, encore, tout au plus...*)

27. *Théâtre de Paris, modes, fêtes de Paris, ne lui étaient ni indifférents, ni étrangers. Tout au plus les aimait-elle d'une passion un peu agressive rehaussée de coquetterie [...]* (Colette, Sido)

(Cô ta đam mê kịch, một, các ngày lễ của Paris. Nhất là cô ta thích các trò này với một lòng đam mê có phần hơi thô bạo. Sự đam mê thô bạo này được nâng cao lên do sự điệu đà của cô ấy.)

Ngoài ra trong tiếng Pháp nếu mệnh đề phụ thời gian được đưa vào bằng *le/ce + nhóm từ thời gian* + *où* đứng sau mệnh đề chính, nó có chức năng làm cụ thể hoá thời

gian của mệnh đề chính như một bổ ngữ thời gian, nhưng nếu nó đứng sau một nhóm từ thời gian chỉ sự tồn tại thì nó sẽ làm chủ ngữ lô-gic. Như trong ví dụ (28):

28. *Il y a des jours où je suis à bout de force, je voudrais tout foutre en l'air et partir, mais il y en a d'autres où je sens que tout marche bien.*

(Có những hôm tôi mệt rũ ra và tôi muốn tung hê tất cả rồi ra đi, nhưng cũng có những hôm mà tôi thấy mọi chuyện đều trôi chảy cả)

2. Đứng trước động từ

2.1. Đứng giữa trợ động từ và quá khứ phân từ

Khi động từ được chia ở thời phức (có trợ động từ) các trạng từ sau thường đứng giữa trợ động từ và quá khứ phân từ:

- chỉ số lượng (*peu, beaucoup, assez, trop, tant*),
- tần số (*bien, fréquemment*),
- thời gian (*toujours, jamais, déjà, encore*),
- đánh giá (*bien, mieux, mal*)

29. *Vous avez beaucoup maigri* (Anh gầy đi hiều quá)

30. *Vous avez maigri pour avoir trop travaillé* (Anh gầy đi vì làm việc hiều quá)

Ngoài các trường hợp thường xuyên đứng giữa trợ động từ và quá khứ phân từ như trong các ví dụ trên, *toujours, longtemps, encore, déjà, jamais* cũng đứng trước động từ nguyên thể, trước tính động từ và tính từ như trong các ví dụ từ 31 đến 36

31. *Il l'a toujours dit* (Nó vẫn luôn luôn nói chuyện đó)

32. *Il a déjà fini.* (Nó làm xong rồi)

33. *Toujours aimer, toujours souffrir* (Luôn luôn yêu, luôn luôn đau khổ)

34. *Une offre longtemps refusée* (Một đề nghị luôn bị từ chối)

35. *Un garçon encore jeune* (Một cậu bé còn non nớt)

36. *Une réflexion jamais faite* (Một suy nghĩ, (nhận xét) chưa bao giờ thực hiện)

2.2. Các trạng từ nơi chốn en, y,

Các trạng từ này luôn luôn đứng trước động từ trong câu thông báo :

37. *J'en viens/ j'y vais* (Tôi từ đó đến/ tôi đến đó).

Trừ khi trạng từ y bỏ nghĩa cho động từ *aller* ở thời tương lai đơn thức thực tại (mode indicatif) hoặc thức điều kiện (mode conditionnel) thì ta phải nói :

38. *J'irai (je n'irai pas)*, chứ không nói *j'y irai, hay je n'y irai pas.

Nhưng trong câu mệnh lệnh khẳng định hai trạng từ này xuất hiện và đi sau động từ.

39. *Sors-en; vas-y*

Trong tiếng Pháp các trạng từ có đuôi **ment** tương ứng với cấu trúc *avec + danh từ* để chỉ cách thức đứng sau động từ. Nếu động từ được chia ở thì đơn (*présent, futur simple...*) hay động từ nguyên dạng nó đi sau động từ.

40. *Nous marchons doucement.*

41. *Au cours du drame, sa timidité disparaîtra progressivement, insensiblement* (E. Ionesco, La Leçon, p. 89)

(Trong quá trình diễn ra thảm kịch, tính rụt rè của nó biến mất dần dần mà ta không hề nhận thấy.)

42. *Mme Smith: Eh bien voilà. àa me gêne beaucoup de vous parler franchement...* (id p. 45)

(Mme Smith : ở thế đây. Tôi thấy phiền quá khi phải nói thẳng với ông...)

Nếu các trạng từ này bổ ngữ cho động từ ở hình thái kép (có trợ động từ) thì nó sẽ đứng sau động từ nhưng với điều kiện động từ không có bất kỳ bổ ngữ nào khác, còn nếu động từ có bổ ngữ thì nó sẽ đứng giữa trợ động từ và quá khứ phân từ.

Mặt khác, trong tiếng Pháp và tiếng Việt đều có các yếu tố chỉ ra rằng sự tình kéo dài, mờ hồ trong một khoảng thời gian nào đó. Hiện tượng này được thể hiện trong tiếng Việt bằng từ *hàng* (hoặc *những*) + *từ thời gian* (*giờ, ngày, tháng, năm, thế kỷ...*) Còn trong tiếng Pháp, cấu trúc tương đương của nhóm từ này là : *des + thời gian* (*minutes, jours, nuits, semaines, mois...*). Trong tiếng Pháp nhóm từ làm bổ ngữ tình huống thời

gian này có thể đứng đầu hoặc đứng cuối câu, còn trong tiếng Việt chủ yếu nó đứng cuối câu.

Trong khuôn khổ của bài báo, chúng tôi chỉ có thể đưa ra trên đây một số vị trí của bộ ngữ tình huống thường gặp (chủ yếu ở vị trí đầu câu câu) với các chức năng cú pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng khác nhau trong tiếng Việt và tiếng Pháp. Tác giả bài viết này muốn nêu lên rằng bộ ngữ tình huống có các vị trí khác nhau và ở mỗi vị trí chúng có các chức năng khác nhau. Do vậy ta không thể tự do chuyển dịch vị trí của chúng mà không làm thay đổi ý nghĩa của câu, của văn bản như một số tác giả đã khẳng định.

Tài liệu tham khảo chủ yếu

a. Tài liệu bằng tiếng Việt

- Cao Xuân Hạo., *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, tập 1, Hanoi, 1991.
Nguyễn Kim Thản., *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, NXB KHXH, 1964, 1977, 1997
Nguyễn Văn Thành., *Tiếng Việt hiện đại*, NXB khoa học xã hội, 2003
Lý Toàn Thắng., *Lý thuyết trật tự từ trong cú pháp*, NXB Đại học quốc gia Hà nội, 2004

b. Tài liệu bằng tiếng Pháp

- Charaudeau, P., *Grammaire du sens et de l'expression*, Paris, Hachette, 1992.
Guimier, cl & al., *1001 Circonstants*, PUF de Caen 1993
Leemans D., *Les circonstants en question (s)*, Paris, Kimé 1998.
Le Goffic, P., *Grammaire de la phrase française*, Hachette, Paris. 1993
Phan Thị Tình., *L'aspect en vietnamien* (Mémoire de maîtrise Bordeaux III, France 1984)
Phan Thị Tình., *Grammaire des propositions subordonnées temporelles en français et en vietnamien* (Thèse de doctorat Rouen, France 2000)
Phan Thị Tình., *Les parties du discours et les fonctions* NXB ĐHQG Hà nội, 2005.
Tomassonne, R., *Pour enseigner la grammaire*, Delagrave Pédagogie, 1998
Wilmet, M., *Grammaire critique du français*, Paris, Duculot, 2003, 3^{ème} édition.